TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 158/2018/DS-PT Ngày 21 – 5 – 2018 V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Tuấn Khải

Các Thẩm phán: Ông Trần Tấn Quốc

Bà Trịnh Thị Phúc

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Tường Vi – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim C – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 46/2018/TLPT-DS ngày 19 tháng 3 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 112/2018/QĐ-PT ngày 20 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Bị đơn:

- Ông Bùi Văn T, sinh năm 1966;

- Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1972;

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Long An.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Phan Văn C, sinh năm 1958; Địa chỉ: Ấp G, xã N, huyện T, tỉnh Long An.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M.

(Tất cả có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện và bản tự khai của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 29/3/2016, bà có vay của Ngân hàng Vietcombank – Chi nhánh thị xã K tỉnh Long An số tiền 260.000.000 đồng. Đến ngày 30/3/2016, bà cho vợ chồng bà C vay 50.000.000 đồng, nghĩ tình chị em nên không làm giấy tờ nhưng có mặt mẹ ruột bà Nguyễn Thị X và chị dâu bà Lê Thị L, khi mượn bà C hẹn ngày 29/3/2017 trả. Đến ngày 29/9/2016, bà C trả cho bà 3.000.000 đồng lãi và đến ngày 29/3/2017 trả tiếp 3.000.000 đồng lãi để bà trả Ngân hàng, đến hạn trả tiền Ngân hàng bà yêu cầu bà C trả thì bà C hẹn đến vụ Đông Xuân cắt lúa xong sẽ trả, còn không bà C sẽ vay tiền Ngân hàng Quân đội trả cho bà. Sau đó, vợ chồng bà C không trả. Việc bà cho bà C mượn tiền có ông B là anh ruột của bà biết, vì khi bà vay tiền về có đưa cho ông B mượn 90.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu ông T, bà C trả cho bà số tiền gốc là 50.000.000 đồng và trả lãi 10%/năm tính từ ngày 29/3/2017 đến nay.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Bùi Văn T và bà Nguyễn Thị C là ông Phan Văn C trình bày:

Tháng 3/2017, khi thu hoạch lúa xong vợ chồng bà C đốt rơm chuẩn bị sạ lúa vụ Hè Thu năm 2017 lỡ cháy sang ruộng bà M, nên bà M yêu cầu bồi thường phía bà C đã bồi thường xong, còn lại số rơm bà M bán cho xui gia của bà M, xui gia của bà M kéo rơm đi ngang qua ruộng mà không hỏi bà C nên bà gặp bà M nói chuyện phải quấy, thì bà M không chịu nghe và nói bà C còn thiếu 50.000.000 đồng. Trước đây ngày 25/6/2013, bà C có vay bà M 50.000.000 đồng, đến ngày 25/12/2013 trả lãi 4.500.000 đồng, cho đến ngày 25/6/2014 trả xong hết tiền gốc 50.000.000 đồng, giữa bà và M cũng không làm giấy tờ. Sau đó vụ Hè Thu năm 2017, bà M nhờ con rể bà cày xới đất, vì bận nên con rể bà không cày được thì bà M thù oán, từ đó bà M khởi kiện yêu cầu bà trả 50.000.000 đồng và nhờ chị dâu là bà Lê Thị L đứng ra làm chứng. Nay ông T, bà C không đồng ý yêu cầu của bà M.

Vụ án được Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh căn cứ vào Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử

1. Bác toàn bộ đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Bùi Văn T trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 4.082.250 đồng, tổng cộng là 54.082.250 đồng (Năm mươi bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.704.112 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 1.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M nộp ngày 09/10/2017 theo biên lai thu số 0003613 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, bà M còn nộp thêm 1.379.112 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền, thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Ngày 26/01/2018, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo; bị đơn vẫn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày; các đương sự không thỏa thuận được với nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến cho rằng: Việc chấp hành pháp luật của Tòa án cấp phúc thẩm và các đương sự đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự .

Về nội dung kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trong hạn luật định nên được X xét theo thủ tục phúc thẩm, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của các bên đương sự tại phiên tòa xét thấy án sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M vì không đủ căn cứ cho rằng bà Nguyễn Thị C có nợ tiền vay gốc là 50.000.000 đồng xét thấy án sơ thẩm xét xử trên là có căn cứ. Bà Nguyễn Thị M kháng cáo không đồng ý như án sơ thẩm tuyên nhưng không cung cấp thêm chứng cứ gì mới nên không có cơ sở X xét và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thể hiện hồ sơ đã được X xét tại phiên tòa và đã được tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định sau:

[1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M được làm đúng theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận để X xét theo trình tự phúc thẩm.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị C phải trả cho bà số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng. Bà M cho rằng việc bà cho bà C vay số tiền 50.000.000 đồng không có làm biên nhận nhưng có bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn B thấy và biết vụ việc nên việc Tòa sơ thẩm bác yêu cầu của bà là không có căn cứ.

[2] Xét thấy, qua quá trình thu thập chứng cứ, cũng như lời trình bày của bà M thì không có giấy tờ gì để chứng minh việc bà C vay của bà M số tiền 50.000.000 đồng mà bà M căn cứ vào lời lời khai của bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị L, ông Nguyễn Văn B thấy và biết vụ việc trên để khởi kiện.

[2.1] Xét lời khai của bà Nguyễn Thị X, bà Lê Thị L có nội dung vào ngày 30/3/2016, tại nhà của bà X có bà X, bà M và bà L ngồi trước nhà chơi thì lúc này bà Nguyễn Thị C có đến nhà và mượn của bà M số tiền 50.000.000 đồng để trả tiền phân thuốc cho ông Bảy L. Bà M có lấy năm sấp tiền tờ 100.000 đồng đưa cho bà C có bà X và bà L chứng kiến và không có làm giấy tờ biên nhận gì. Thấy rằng, bà M trình bày là khi mượn tiền bà C có hẹn là đến tháng 3/2017 trả, trong biên bản đối chất bà X, cũng như bà L đều trình bày không nghe nói gì đến vấn đề này, như vậy lời trình bày của bà M với bà X, bà L về lúc vay tiền là có mâu thuẫn. Mặc khác, bà X là mẹ ruột của bà M, bà C, còn bà L là em dâu bà M, bà C đây là mối quan hệ gia đình.

[2.2] Xét lời khai của ông Nguyễn Văn B thì ông B cũng chỉ nghe bà Nguyễn Thị M kể lại việc cho bà C mượn tiền chứ ông B không chứng kiến việc bà M giao tiền cho bà C.

[3] Về lời trình bày của các thành viên tổ hòa giải về nội dung bà M đưa tiền cho bà C là không giống nhau. Ông Nguyễn Văn B trình bày trong lúc hòa giải bà L nói là có thấy bà M đưa tiền bà C còn đưa số tiền bao nhiêu thì bà không biết; ông Nguyễn Văn N khai trong lúc hòa giải bà L có trình bày có thấy bà M đưa bà C xấp tiền loại mệnh giá 500.000 đồng còn số tiền bao nhiêu bà không biết và ông Nguyễn Văn T khai trong khi hòa giải bà L có thấy bà M giao tiền cho bà C mệnh giá 100.000 đồng còn số tiền bao nhiêu bà không biết.

Như vậy, những căn cứ lời khai những người làm chứng nêu trên không đủ cơ sở để X xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Từ những nhận định trên, xét thấy án sơ thẩm nhận định và xét xử không chấp yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Bùi Văn T trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 4.082.250 đồng là có căn cứ. Bà M kháng cáo nhưng cũng không cung cấp thêm được chứng cứ gì mới nên không có

cơ sở để X xét, cần giữ nguyên quyết định án sơ thẩm như lời đề nghị của kiểm sát viên.

[5] Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị M. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 04/2018/DS-ST ngày 23 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An.

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 463, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M yêu cầu bà Nguyễn Thị C và ông Bùi Văn T trả tiền gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi 4.082.250 đồng, tổng cộng là 54.082.250 đồng (Năm mươi bốn triệu không trăm tám mươi hai nghìn hai trăm năm mươi đồng).

2. Về án phí:

2.1. Án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 2.704.112 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ 1.325.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà M nộp ngày 09/10/2017 theo biên lai thu số 0003613 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, bà M còn nộp thêm 1.379.112 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

2.2. Án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm. Nhưng được khấu trừ 300.000đ số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu số 0003802 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Thạnh, tỉnh Long An. (Bà M đã nộp xong)

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai có hiệu lực pháp luật ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Tuấn Khải